

Báo cáo Thị trường Lúa gạo

Tháng 4 2024

Báo cáo cập nhật bức tranh toàn cảnh về tình hình sản xuất, biến động giá cả, tình hình tiêu thụ và các dự báo về thị trường lúa gạo trong nước và thế giới.



Mục lục

| | |
|--|-----------|
| Tóm tắt | 03 |
| Phần I: Thị trường gạo thế giới | 04 |
| 1. Sản lượng, tiêu thụ | 04 |
| 2. Tình hình xuất nhập khẩu | 07 |
| 3. Diễn biến giá | 11 |
| Phần II: Thị trường gạo Việt Nam | 14 |
| 1. Sản xuất | 14 |
| 2. Xuất khẩu | 15 |
| 3. Diễn biến giá | 17 |
| 4. Tình hình nhập khẩu | 18 |
| Phần III: Dự báo | 19 |
| Phần IV: Hoạt động của các doanh nghiệp trong ngành | 20 |
| Phần V: Chính sách | 23 |
| Phụ lục | 24 |

Viết tắt, giải nghĩa

BPI: Cục Công nghiệp Thực vật Philippines

Bulog: Cơ quan hậu cần quốc gia Indonesia

CRF: Liên đoàn Lúa gạo Campuchia

FAO: Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc

FCI: Tổng công ty Lương thực Ấn Độ

KAFTC: Tập đoàn Thương mại Thực phẩm và Thủy sản Nhà nước Hàn Quốc

PBS: Cục Thống kê Pakistan

PSA: Cơ quan Thống kê Philippines

REAP: Hiệp hội các nhà xuất khẩu gạo Pakistan

USDA: Bộ Nông nghiệp Mỹ

VFA: Hiệp hội Lương thực Việt Nam

Để thuận tiện hơn trong việc xem và tra cứu báo cáo này, xin mời quý vị tải bản PDF về và mở trên các phần mềm chuyên dụng như Adobe PDF Reader hoặc Foxit Reader.

Tóm tắt

- Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) dự báo sản lượng gạo toàn cầu trong niên vụ 2024-2025 sẽ tăng lên 527,6 triệu tấn, trong khi tiêu thụ đạt 526,4 triệu tấn. Với dự báo này, thế giới sẽ chuyển từ thâm hụt 4,3 triệu tấn trong niên vụ 2023-2024 sang thặng dư 1,2 triệu tấn trong niên vụ tới.
- Tính đến hết quý I, xuất khẩu gạo của Ấn Độ đạt 4,47 triệu tấn, giảm 25,2% so với cùng kỳ năm ngoái. Chính phủ Ấn Độ có thể xem xét dỡ bỏ các hạn chế về xuất khẩu gạo được áp đặt từ năm ngoái, trong bối cảnh sản lượng gạo dư thừa lớn và kỳ vọng lượng mưa trên mức bình thường có thể hỗ trợ tích cực cho vụ mùa Kharif, vụ mùa lớn nhất của nước này.
- Philippines đã nhập khẩu 1,6 triệu tấn gạo tính đến đầu tháng 5 năm nay. Trong đó, Việt Nam vẫn là nhà cung cấp hàng đầu với 1,12 triệu tấn và chiếm 70% thị phần. Tiếp đến Thái Lan cung cấp 271.037 tấn, chiếm 16,9%; Pakistan cung cấp 136.124 tấn, Myanmar và Trung Quốc lần lượt cung cấp 62.480 tấn và 5.200 tấn cho Philippines trong giai đoạn trên.
- Số liệu của Cơ quan Hải quan Trung Quốc cho thấy, nhập khẩu gạo của nước này trong quý I chỉ đạt 310.000 tấn, trị giá 188,65 triệu USD, giảm 69% về lượng và giảm 63,1% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái.
- Trong tháng 4, chỉ số giá gạo toàn cầu của Tổ chức Nông Lương Liên hợp quốc (FAO) tiếp tục giảm 1,8% so với tháng trước, nhưng vẫn cao hơn 9,2% so với cùng kỳ năm ngoái. Bước sang nửa đầu tháng 5, giá gạo có sự cải thiện nhẹ ở Việt Nam và Thái Lan, nhưng vẫn giảm ở Ấn Độ.
- 4 tháng đầu năm, xuất khẩu gạo của Việt Nam tăng 9,5% về lượng và tăng 33,6% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái, đạt gần 3,2 triệu tấn với trị giá thu về hơn 2 tỷ USD. Đây là con số cao nhất đạt được của ngành gạo trong 4 tháng đầu năm kể từ trước đến nay. Các thị trường tiêu thụ chính của Việt Nam vẫn là Philippines, Indonesia, các nước châu Phi...
- Việt Nam đã nhập khẩu gạo 201.264 tấn gạo từ Ấn Độ với trị giá 85 triệu USD, tăng 11,1% về lượng và 47,7% về trị giá so với cùng kỳ năm trước.
- Kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp ngành gạo biến động trái chiều trong quý đầu năm. Trong khi một số doanh nghiệp ghi nhận doanh thu và lợi nhuận tương đối tốt, thì có những doanh nghiệp không đạt kỳ vọng và thua lỗ do bị bào mòn bởi chi phí.

Phần I: THỊ TRƯỜNG GẠO THẾ GIỚI



USDA dự báo nguồn cung gạo toàn cầu sẽ chuyển từ thâm hụt sang thặng dư trong niên vụ 2024-2025. Trong khi đó, Ấn Độ đang xem xét dỡ bỏ các hạn chế xuất khẩu gạo do sản lượng dư thừa lớn và lượng mưa trên mức bình thường có thể hỗ trợ tích cực cho vụ mùa Kharif.

1 Sản xuất - Tiêu thụ

a. Sản xuất

Trong báo cáo tháng 5, Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) dự báo sản lượng gạo toàn cầu trong niên vụ 2024-2025 tăng 10,3 triệu tấn so với niên vụ 2023-2024 lên mức kỷ lục mới 527,6 triệu tấn.

Mức tăng lớn nhất được ghi nhận ở Ấn Độ, nơi sản lượng gạo dự kiến sẽ đạt kỷ lục 138 triệu tấn, tăng 4 triệu tấn so với niên vụ 2023-2024. Sản lượng gạo của Trung Quốc cũng được dự báo sẽ tăng 1,4 triệu tấn lên mức 146 triệu tấn. Hai nhà sản xuất này cùng nhau chiếm hơn một nửa sản lượng gạo toàn cầu.

Các vụ mùa lớn hơn cũng được dự báo ở các nước sản xuất hàng đầu khác bao gồm Indonesia, Myanmar, Pakistan và Bangladesh.

b. Tiêu thụ

Tiêu thụ gạo thế giới trong niên vụ 2024-2025 cũng được USDA dự báo sẽ tăng 4,8 triệu tấn lên mức kỷ lục 526,4 triệu tấn. Như vậy, thế giới sẽ chuyển từ thâm hụt

4,3 triệu tấn trong niên vụ 2023-2024 sang thặng dư 1,2 triệu tấn trong niên vụ tới.

Trong đó, tiêu thụ ở Ấn Độ, quốc gia tiêu thụ gạo lớn thứ hai thế giới, dự kiến sẽ đạt mức cao kỷ lục 120 triệu tấn (tăng 3,5 triệu tấn), do Chính phủ tiếp tục phân bổ gạo trong các chương trình phân phối công cộng.

Tiêu thụ ở châu Phi cận Sahara, Nam Á và Trung Đông cũng được dự báo sẽ tiếp tục tăng do dân số tăng.

Ngược lại, tiêu thụ tại Trung Quốc, quốc gia tiêu thụ gạo lớn nhất, được dự báo sẽ giảm năm thứ ba liên tiếp. Sự suy giảm này là kết quả của việc giảm sử dụng gạo làm nguồn thay thế cho ngũ cốc thô trong thức ăn chăn nuôi.

c. Tồn kho

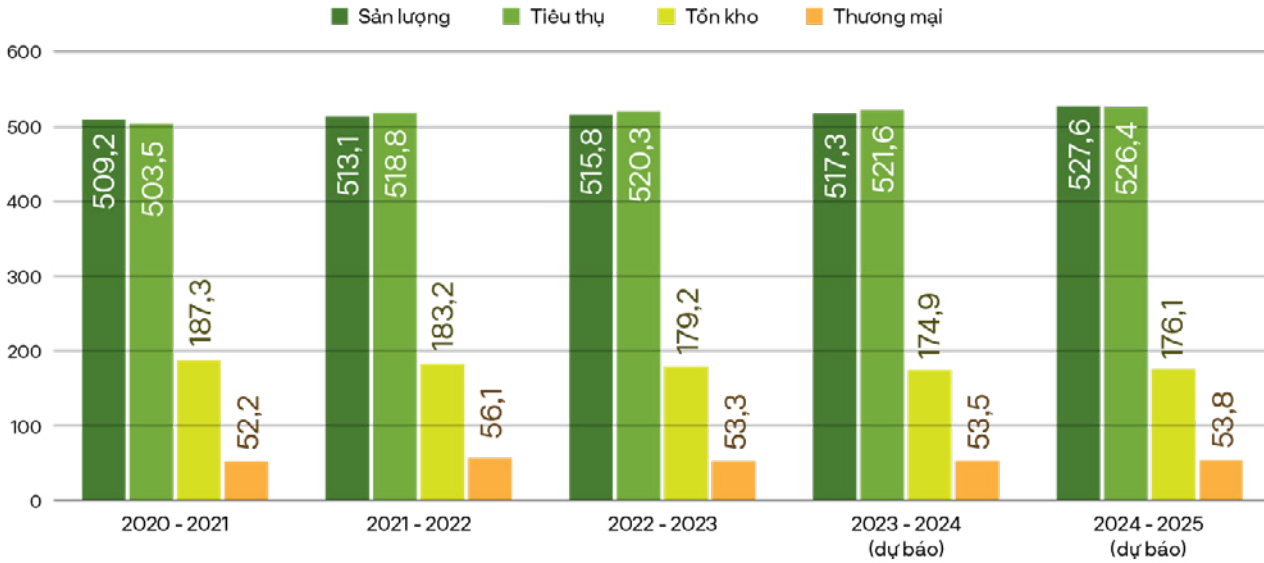
Dự trữ toàn cầu gạo toàn cầu được dự báo tăng 1,2 triệu tấn trong niên vụ 2024-2025, lên 176,1 triệu tấn (**Biểu đồ 1**).

Trung Quốc (59%) và Ấn Độ (21%) cùng nhau chiếm 80% trữ lượng tồn kho gạo toàn cầu. Chính phủ ở cả hai nước đều duy trì các chương trình dự trữ công.

Trong khi đó, tồn kho cuối kỳ tại Mỹ được dự báo tăng mạnh nhất, với mức tăng 12% do tồn kho lớn và nhập khẩu kỷ lục. Nhìn chung, tồn kho tại các nước xuất khẩu gạo lớn được dự báo sẽ phục hồi.

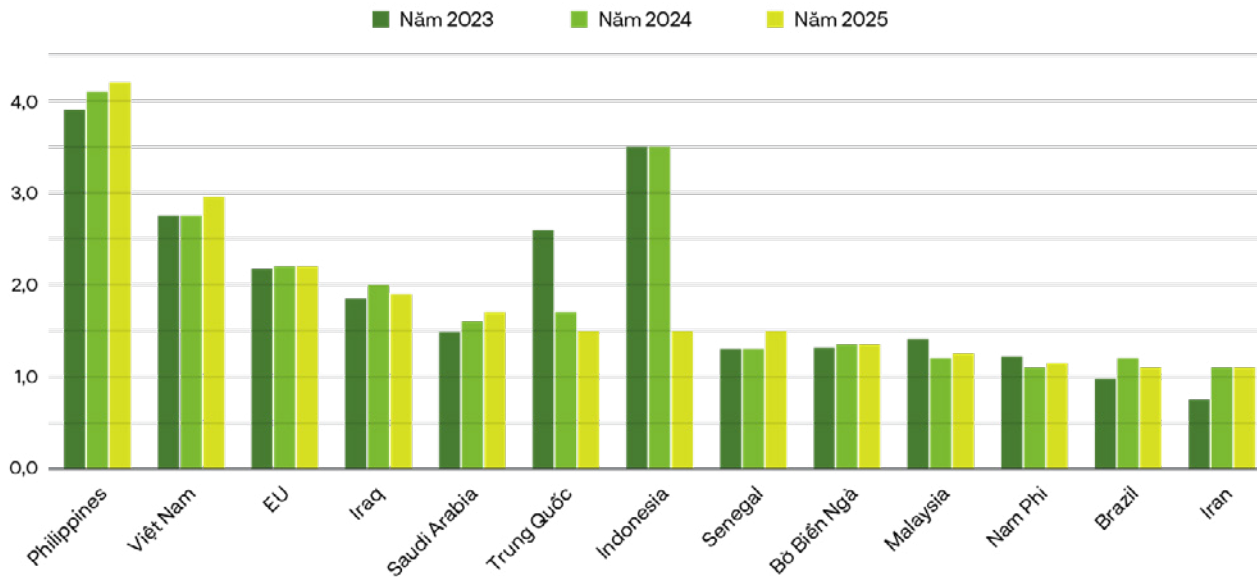
Biểu đồ 1: Cung – cầu gạo thế giới từ niên vụ 2020 - 2021 đến 2024 - 2025

Đơn vị: triệu tấn. Nguồn: USDA.



Biểu đồ 2: Nhập khẩu gạo của các quốc gia hàng đầu trong năm 2023 và dự báo 2024 - 2025

Đơn vị: triệu tấn. Nguồn: USDA.



d. Thương mại

Thương mại gạo toàn cầu dự kiến đạt 53,8 triệu tấn trong năm 2025 so với mức 53,5 triệu tấn của năm 2024 (**Biểu đồ 1**).

Nhập khẩu gạo của Indonesia được dự báo giảm 2 triệu tấn xuống còn 1,5 triệu tấn do vụ thu hoạch lớn hơn và lượng dự trữ đầu vụ tương đối tốt.

Với vụ mùa bội thu và giá quốc tế cao, Trung Quốc dự kiến sẽ tiếp tục giảm nhập khẩu xuống mức thấp nhất trong nhiều năm, dự báo chỉ ở mức 1,5 triệu tấn. Con số này thấp hơn nhiều so với hạn ngạch thuế quan 5,3 triệu tấn do giá toàn cầu cao làm giảm động lực nhập khẩu.

Ngược lại, nhập khẩu của Philippines được dự báo sẽ đạt mức kỷ lục 4,2 triệu tấn do tiêu dùng tiếp tục tăng trưởng. Philippines dự kiến

sẽ một lần nữa là nước nhập khẩu gạo lớn nhất thế giới.

Nhập khẩu của Việt Nam dự kiến đạt mức kỷ lục 3 triệu tấn khiến nước này trở thành nước nhập khẩu gạo lớn thứ hai toàn cầu. Nhập khẩu gạo của Việt Nam tăng chủ yếu là do nhập khẩu lúa gạo từ Campuchia. Việt Nam cũng tăng cường nhập khẩu gạo lứt từ Ấn Độ.

Nhập khẩu của Liên minh châu Âu (EU) được dự báo không thay đổi ở mức 2,2 triệu tấn, khiến khu vực này trở thành thị trường nhập khẩu lớn thứ ba toàn cầu. Tiêu dùng của EU được dự báo sẽ phục hồi và đạt mức cao gần kỷ lục.

Ngoài ra, nhập khẩu tại Trung Đông và châu Phi cận Sahara được dự báo sẽ tăng. Mức tiêu thụ ngày càng tăng, được thúc đẩy bởi dân số ngày càng tăng và chế độ ăn uống thay đổi, đang thúc đẩy nhu cầu ngày càng tăng ở các khu vực này.

Đáng chú ý, tại Trung Đông, Saudi Arabia dự kiến sẽ chứng kiến mức tiêu thụ gạo trong

nước tăng, do cả du lịch và lực lượng lao động nhập cư ngày càng nhiều nhằm tạo điều kiện cho việc xây dựng các dự án quy mô lớn.

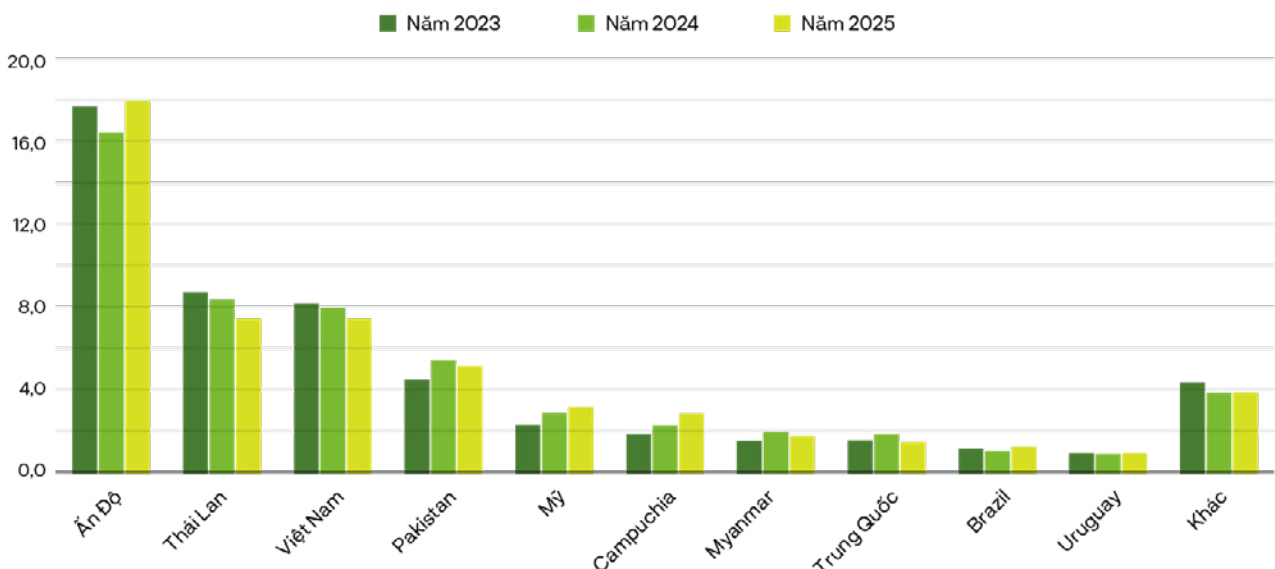
Ở châu Phi cận Sahara, Nigeria dự kiến sẽ có nhu cầu nhập khẩu ổn định do tăng trưởng dân số.

Trong năm 2025, xuất khẩu gạo phục hồi từ Ấn Độ dự kiến sẽ phần nào bù đắp sự sụt giảm từ các nước xuất khẩu lớn khác ở châu Á như: Việt Nam, Thái Lan, Pakistan và Myanmar. Tổng cộng, bốn nhà xuất khẩu này được dự báo giảm 1,9 triệu tấn, chủ yếu do cạnh tranh gia tăng từ Ấn Độ và nhu cầu từ Indonesia giảm (**Biểu đồ 3**).

Ấn Độ được dự báo vẫn là nước xuất khẩu gạo lớn nhất vào năm 2025 với xuất khẩu dự kiến đạt 18 triệu tấn, tăng 1,5 triệu tấn so với năm trước và chiếm hơn 1/3 thương mại gạo toàn cầu. Xuất khẩu dự kiến sẽ tăng do sản lượng vụ mùa lớn hơn và lượng dự trữ dồi dào. Bất chấp các biện pháp hạn chế thương mại, khối lượng xuất khẩu vẫn duy trì ở mức cao.

Biểu đồ 3: Xuất khẩu gạo của các nước sản xuất hàng đầu trong năm 2023 và dự báo 2024-2025

Đơn vị: triệu tấn. Nguồn: USDA.



Xuất khẩu của Việt Nam được dự báo đạt 7,5 triệu tấn, giảm 500.000 tấn so với năm 2024, chủ yếu do nhu cầu từ Indonesia giảm mạnh. Philippines và Trung Quốc, cùng chiếm trên 50% xuất khẩu của Việt Nam, dự kiến sẽ tiếp tục mua số lượng lớn gạo. Nhu cầu về lúa gạo Việt Nam tại châu Phi cận Sahara vẫn ổn định, dẫn đầu là Bờ Biển Ngà và Ghana.

Tương tự, xuất khẩu gạo của Thái Lan được dự báo đạt 7,5 triệu tấn, giảm 900.000 tấn so với năm 2024. Nguyên nhân là nhu cầu dự kiến thấp hơn từ khu vực Đông Nam Á, đặc biệt là từ Indonesia.

Xuất khẩu của Pakistan cũng giảm 300.000 tấn xuống còn 5,2 triệu tấn chủ yếu do nhu cầu từ Indonesia giảm và dự kiến cạnh tranh gia tăng từ Ấn Độ. Sản lượng năm 2024-2025 của nước này được dự báo ở mức cao kỷ lục, điều này sẽ giúp giá xuất khẩu của Pakistan có tính cạnh tranh.

Xuất khẩu của Campuchia dự kiến đạt 2,9 triệu tấn, phản ánh xuất khẩu lúa gạo sang Việt Nam tiếp tục tăng mạnh, bên cạnh xuất khẩu gạo xay sát cũng ngày càng tăng. Nhu cầu nhập khẩu mạnh mẽ từ các nhà máy gạo ở Việt Nam đã dẫn đến khối lượng thương mại xuyên biên giới lớn được duy trì.

Còn tại Myanmar, xuất khẩu gạo được dự báo đạt 1,8 triệu tấn, giảm 200.000 tấn, do Indonesia và Trung Quốc nhập khẩu ít hơn.


Xuất khẩu gạo của Nam Mỹ được dự báo cao hơn trong năm tới, do sản lượng lớn hơn và tồn kho cao hơn từ các nhà cung cấp hàng đầu là: Brazil, Uruguay, Paraguay và Argentina. Nhìn chung, xuất khẩu từ bốn nhà cung cấp này được dự báo cao hơn 425.000 tấn so với năm 2024. Nhu cầu mạnh mẽ từ các nhà nhập khẩu Tây bán cầu và EU là nhân tố chính thúc đẩy xuất khẩu gạo ngày càng

tăng của Nam Mỹ. Tăng trưởng xuất khẩu của Brazil thể hiện mức tăng lớn nhất với dự báo đạt 1,3 triệu tấn, tăng 200.000 tấn so với năm trước.

Xuất khẩu gạo của Mỹ được dự báo sẽ tăng khiêm tốn dù vụ mùa bội thu và giá thấp hơn. Xuất khẩu gạo hạt dài sẽ được hưởng lợi từ hạn ngạch thuế quan và khả năng tiếp cận miễn thuế sang một số quốc gia Tây bán cầu, trong khi nguồn cung sẵn có vào đầu niên vụ 2024-2025 sẽ cải thiện triển vọng xuất khẩu sang Đông Á so với năm 2024.

2 Tình hình xuất nhập khẩu

a. Xuất khẩu

 **Ấn Độ:** Theo số liệu của Bộ Thương mại Ấn Độ, xuất khẩu gạo của nước này trong quý I năm nay đạt 4,47 triệu tấn, trị giá hơn 3 tỷ USD, giảm mạnh 25,2% về lượng (1,5 triệu tấn) và giảm 1,5% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái.


Nguồn tin từ *Financial Express* cho biết, Chính phủ Ấn Độ có thể xem xét dỡ bỏ các hạn chế về xuất khẩu gạo được áp đặt từ năm ngoái, trong bối cảnh sản lượng gạo dư thừa lớn và kỳ vọng lượng mưa “trên mức bình thường” có thể hỗ trợ tích cực cho vụ mùa Kharif (vụ Hè tính từ gieo cấy lúa trong mùa mưa tháng 6 và thu hoạch trong tháng 10).

Việc gieo trồng lúa kharif, cung cấp đến 80% tổng sản lượng lúa của Ấn Độ, thường được thực hiện trong khoảng thời gian từ tháng 6 đến tháng 7, khi lượng mưa tăng dần trên khắp đất nước.

Cục Khí tượng Ấn Độ (IMD) dự báo lượng mưa sẽ ở “trên mức bình thường” trong tháng


6-9 năm nay, với 90% khả năng lượng mưa ở mức từ “bình thường đến cao hơn bình thường”. Năm ngoài, tình trạng mưa không đều và dưới mức bình thường đã ảnh hưởng đến sản lượng lúa.

Tổng công ty Lương thực Ấn Độ (FCI) hiện đang nắm giữ 53,19 triệu tấn dự trữ gạo và ngũ cốc, trong đó có 31,81 triệu tấn gạo và 21,38 triệu tấn ngũ cốc.

 **Thái Lan:** Thông tin từ Bộ Thương mại Thái Lan cho biết, nước này đã xuất khẩu khoảng 3,06 triệu tấn gạo tính từ đầu năm đến ngày 24/4, tăng 23,4% so với cùng kỳ năm trước. Về trị giá, xuất khẩu gạo trong giai đoạn này đã tăng khoảng 54% so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó, Indonesia là khách hàng lớn nhất với khối lượng đạt 680.099 tấn, tiếp theo là Iraq 353.100 tấn và Nam Phi 216.050 tấn.

Theo Bộ Thương mại Thái Lan, nếu gạo Thái Lan vẫn có tính cạnh tranh và nhu cầu cao thì tổng xuất khẩu trong năm nay có thể vượt mục tiêu 7,5 triệu tấn. Thái Lan hiện là nước xuất khẩu gạo lớn thứ hai thế giới sau Ấn Độ.

 **Pakistan:** Dữ liệu từ Cơ quan Thống kê Pakistan (PBS) cho thấy, xuất khẩu gạo của nước này trong 9 tháng đầu năm tài chính 2023-2024 (tháng 7/2023 đến tháng 3/2024) đạt kỷ lục 4,55 triệu tấn với giá trị thu về hơn 2,9 tỷ USD, tăng 57% về lượng và tăng tới 83,6% về trị giá so với cùng kỳ năm trước.


Trong đó, kim ngạch xuất khẩu gạo non-basmati tăng gấp 2 lần, đạt 2,3 tỷ USD so với 1,1 tỷ USD cùng kỳ năm tài chính 2023. Xuất khẩu gạo basmati tăng 36% lên 622 triệu USD.

Với kết quả này, xuất khẩu gạo dự kiến sẽ mang về cho Pakistan khoảng 4 tỷ USD trong năm tài

chính hiện tại. Trong khi đó, Hiệp hội các nhà xuất khẩu gạo Pakistan (REAP) đặt mục tiêu xuất khẩu 5 tỷ USD cho năm tài chính 2025.

Các nhà xuất khẩu Pakistan đã tận dụng tối đa lệnh cấm xuất khẩu gạo của Ấn Độ và thực hiện mọi nỗ lực có thể để kiếm thêm ngoại hối cho đất nước đang phải đối mặt với cuộc khủng hoảng tài chính trong hai năm qua.

Theo các thương nhân xuất khẩu gạo của Pakistan, do tồn kho gạo trong nước đang giảm nên xuất khẩu trong quý cuối năm tài chính này có thể chậm lại. Tuy nhiên, nhu cầu mạnh mẽ từ Indonesia, Philippines và châu Phi có thể sẽ hỗ trợ đà xuất khẩu.

 **Campuchia:** Theo Liên đoàn Lúa gạo Campuchia (CRF), Campuchia đã xuất khẩu 82.491 tấn gạo trong tháng 4 với trị giá 46,6 triệu USD. Qua đó, đưa xuất khẩu gạo của nước này trong 4 tháng đầu năm lên mức 248.491 tấn và trị giá thu về 170,2 triệu USD.

Trong 4 tháng đầu năm, Trung Quốc là nước nhập khẩu gạo lớn nhất của Campuchia với khối lượng đạt 67.457 tấn, trị giá 42,3 triệu USD.

Ngoài ra, Campuchia còn xuất khẩu 105.799 tấn gạo sang 26 quốc gia trong khối Liên minh châu Âu, 57.766 tấn sang 7 quốc gia trong khu vực ASEAN và 21.469 tấn sang các điểm đến khác.

Gạo thơm, gạo trắng hạt dài, gạo đỏ và gạo hữu cơ là những chủng loại gạo xuất khẩu của Campuchia. Trong đó, gạo thơm chiếm 73% tỷ trọng.

Bên cạnh đó, Campuchia cũng đã xuất khẩu 2,4 triệu tấn lúa trị giá 693 triệu USD sang các nước láng giềng trong 4 tháng đầu năm. Như vậy, tính đến hiện tại xuất khẩu thóc và gạo xay xát của Campuchia đã tăng hơn 30% so với cùng kỳ năm 2023.

Liên đoàn Lúa gạo Campuchia đặt mục tiêu xuất khẩu ít nhất một triệu tấn gạo vào năm 2025. Tuy nhiên, trong 4 năm qua, xuất khẩu gạo của nước này ra thị trường quốc tế chỉ đạt hơn 600.000 tấn/năm, với 617.069 tấn xuất khẩu vào năm 2021, 637.004 tấn vào năm 2022 và 656.423 tấn vào năm 2023, theo *Khmertimeskh*.

Myanmar: Theo Liên đoàn Lúa gạo Myanmar, xuất khẩu gạo của Myanmar đạt 111.862 tấn trong tháng 4, tăng 27,6% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó có 42.770 tấn gạo và 69.092 tấn gạo tằm.

Quốc gia Đông Nam Á này đã xuất khẩu gạo và gạo tằm tới hơn 20 quốc gia và khu vực bao gồm Indonesia, Philippines, Trung Quốc, Ba Lan, Malaysia, Bỉ, Hà Lan và Việt Nam.

Liên đoàn cho biết, trong năm tài chính 2023-2024, Myanmar đã xuất khẩu hơn 1,6 triệu tấn gạo và tằm, thu về hơn 845 triệu USD.

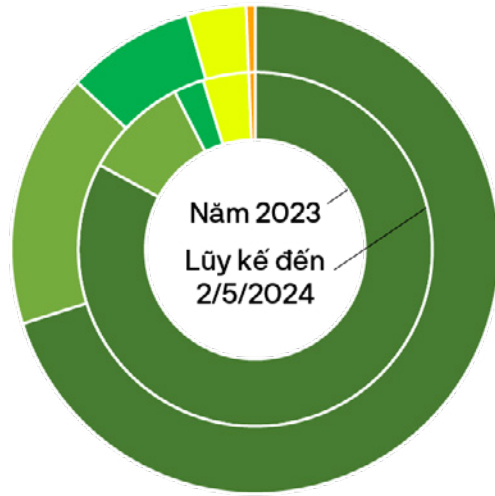
b. Nhập khẩu

Philippines: Cơ quan Thống kê Philippines (PSA) cho biết, sản lượng lúa của Philippines trong quý I/2024 ước đạt 4,68 triệu tấn, giảm so với mức 4,78 triệu tấn trong cùng thời điểm năm 2023. Ước tính này cũng giảm khoảng 2,8% so với dự báo trước đó của PSA là 4,82 triệu tấn. Sự sụt giảm này được cho là do tác động của El Nino tới sản lượng lúa. DA đặt mục tiêu sản xuất khoảng 20,88 triệu tấn lúa vào năm 2024, tăng so với mức ước tính 20,06 triệu tấn vào năm 2023, theo *PhilStar*.

Theo số liệu từ Cục Thực vật Philippines (BPI), Philippines đã nhập khẩu 1,6 triệu tấn gạo tính đến đầu tháng 5 năm nay.

Biểu đồ 4: Cơ cấu các thị trường xuất khẩu gạo vào Philippines năm 2023 và lũy kế đến 2/5/2024

Đơn vị: % tính theo khối lượng. Nguồn: Tổng hợp từ BPI.



| | Năm 2023 | Lũy kế đến 2/5/2024 |
|----------|----------|---------------------|
| Việt Nam | 82,9% | 70,1% |
| Thái Lan | 9,6% | 16,9% |
| Pakistan | 2,8% | 8,5% |
| Myanmar | 4,2% | 3,9% |
| Khác | 0,6% | 0,6% |

Trong đó, Việt Nam vẫn là nhà cung cấp gạo hàng đầu cho Philippines với 1,12 triệu tấn và chiếm khoảng 70,1% tổng lượng nhập khẩu. Tiếp đến Thái Lan cung cấp 271.037 tấn, chiếm 16,9%; Pakistan cung cấp 136.124 tấn, Myanmar và Trung Quốc lần lượt cung cấp 62.480 tấn và 5.200 tấn cho Philippines trong giai đoạn trên (**Biểu đồ 4**).

Trung Quốc: Nhập khẩu gạo của Trung Quốc từ giữa năm ngoái đến nay liên tục giảm do ảnh hưởng bởi các biện pháp hạn chế xuất khẩu của Ấn Độ đẩy giá gạo hàng ngũ cốc này tăng cao trên thị trường thế giới.

Số liệu của Cơ quan Hải quan Trung Quốc cho thấy, nhập khẩu gạo của nước này trong quý I chỉ đạt 310.000 tấn, trị giá 188,65 triệu USD,

giảm 69% về lượng và giảm 63,1% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái.

Trong đó, Trung Quốc giảm nhập khẩu từ hầu hết nguồn cung chính như: Thái Lan đạt 113.729 tấn, giảm 13%; Myanmar đạt 104.443 tấn, giảm mạnh 64,3%...

Việt Nam đã từ vị trí số một tụt xuống vị trí thứ ba về xuất khẩu gạo vào Trung Quốc với khối lượng đạt 47.646 tấn, giảm 82,3% so với cùng kỳ. Thị phần của Việt Nam trong tổng nhập khẩu gạo vào Trung Quốc đã giảm từ 26,9% xuống mức 15,8%.

Ngoài ra, Trung Quốc cũng giảm nhập khẩu gạo từ các nguồn cung khác như Pakistan, Campuchia, Ấn Độ và Lào...

Trong báo cáo mới đây, USDA dự báo sản lượng gạo của Trung Quốc trong niên vụ 2023-2024 đạt 136,59 triệu tấn, giảm 1,13 triệu tấn so với niên vụ trước do thời tiết bất lợi.

Trong khi đó, tiêu thụ gạo của Trung Quốc dự kiến vào khoảng 153,5 triệu tấn, tăng đáng kể so với con số 148 triệu tấn của niên vụ trước. Mặc dù vậy, nhập khẩu gạo của Trung Quốc dự kiến chỉ vào khoảng 1,9 triệu tấn, giảm so với mức 2,6 triệu tấn của năm 2023 và đánh dấu mức thấp nhất trong nhiều năm trở lại đây. Nguyên nhân là do giá gạo quốc tế tăng cao khiến Trung Quốc chuyển sang tiêu thụ gạo dự trữ, dẫn đến tồn kho giảm 3,6 triệu tấn xuống 103 triệu tấn trong niên vụ 2023-2024.

Tuy nhiên, nhu cầu gạo của thị trường Trung Quốc được kỳ vọng sẽ tăng trở lại trong thời gian tới do giá mặt hàng này đã hạ nhiệt đáng kể trong thời gian gần đây. Tính từ đầu năm đến nay, giá chào bán gạo xuất khẩu của Việt Nam và Thái Lan đã giảm khoảng 60 - 70 USD/tấn.

Indonesia: Dựa trên dữ liệu mới nhất vào đầu tháng 5/2024, Cơ quan Hộ cần Quốc gia Indonesia (Bulog) đã nhập khẩu 1,3 triệu tấn gạo trong kế hoạch nhập khẩu 3,6 triệu tấn năm 2024.

Từ đầu năm đến nay Indonesia đã có 3 lần mở thầu nhập khẩu gạo. Trong phiên đấu thầu quốc tế gần nhất, Bulog đã mua 300.000 tấn gạo. Trong đó, Việt Nam trúng thầu khoảng 109.000 tấn với các giao dịch quanh mức 588 - 590 USD/tấn (C&F), giá thầu thấp nhất là 585 USD/tấn.

Indonesia cũng mua khoảng 110.000 tấn từ Thái Lan trong phiên đấu thầu này với giá thấp nhất là 608 USD/tấn (C&F). Ngoài ra, khoảng 56.000 tấn từ Myanmar được mua với giá 610 USD/tấn (C&F) và 25.000 tấn từ Pakistan với giá 617 USD/tấn (C&F)...

Bulog dự báo nhu cầu gạo ở Indonesia vào năm 2024 sẽ đạt 31,2 triệu tấn. Điều này có nghĩa là việc thực hiện nhập khẩu gạo ở Indonesia mới chỉ đạt 4,1% tổng nhu cầu trong nước.

Chính phủ Indonesia hiện đang nỗ lực để đảm bảo nguồn gạo dự trữ quốc gia và phân phối phù hợp nhu cầu sử dụng của người dân. Chính sách lương thực hiện nay là kết hợp giữa việc đảm bảo nguồn cung cấp tại chỗ khi Indonesia chuẩn bị bước vào vụ thu hoạch chính nhưng đồng thời cũng cần duy trì hoạt động nhập khẩu gạo từ nước ngoài.

Chính sách phân phát 10 kg gạo viện trợ hàng tháng cho các hộ gia đình nghèo sẽ tiếp tục đến tháng 6 và dự kiến sẽ kéo dài đến tháng 12, tùy thuộc vào khả năng sẵn có của Ngân sách Nhà nước.

Sáng kiến viện trợ gạo là phản ứng của chính phủ trước tình trạng giá gạo tăng do lạm phát

lượng thực toàn cầu. Kết quả là giá gạo ở Indonesia vẫn đảm bảo ổn định trong khi giá gạo một số quốc gia khác trong khu vực đã tăng đến 50%.



Hàn Quốc: Tập đoàn Thương mại

Thực phẩm và Thủy sản Nhà nước

Hàn Quốc (KAFTC) đã mua 8.677 tấn gạo trong cuộc đấu thầu quốc tế kết thúc vào ngày 25/4/2024.

Theo đó, cơ quan này đã mua 7.777 tấn gạo từ Mỹ với giá 806,34 USD/tấn và 900 tấn gạo hạt dài có nguồn gốc từ Việt Nam với giá 709,88

USD/tấn. Ngoài ra, KAFTC cũng tìm cách mua 117.105 tấn gạo trong cuộc đấu thầu và kết quả đấu thầu còn lại sẽ được công bố sau khi Cục Quản lý chất lượng nông sản kiểm tra mẫu.

3 Diễn biến giá

Trong tháng 4, chỉ số giá gạo toàn cầu của Tổ chức Nông Lương Liên hợp quốc (FAO) tiếp tục giảm 1,8% so với tháng trước, nhưng vẫn cao hơn 9,2% so với cùng kỳ năm ngoái (Bảng 1).

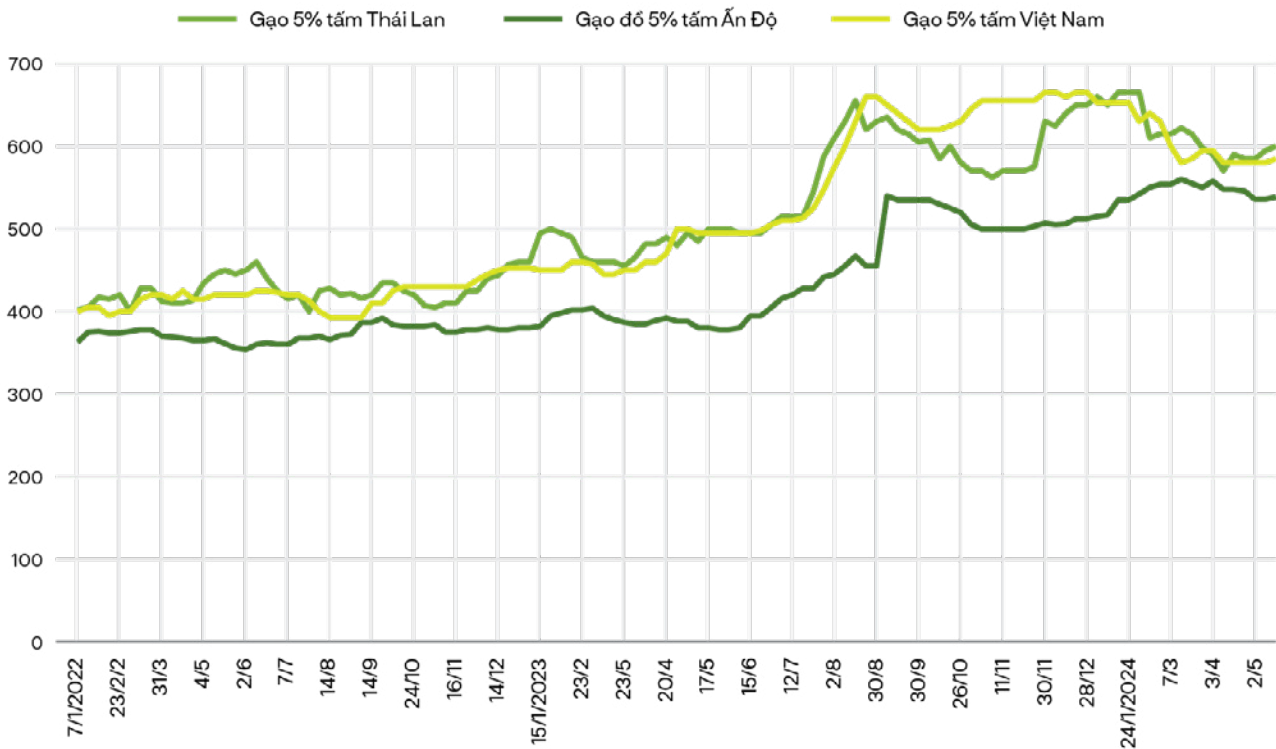
Bảng 1: Diễn biến giá gạo thế giới từ tháng 11/2023 đến tháng 4/2024

Nguồn: FAO.

| Nước sản xuất | Loại gạo | Diễn biến giá qua các tháng (USD/tấn) | | | | | | Thay đổi của tháng 4/2024 so với (%) | |
|---------------|------------------|---------------------------------------|---------|--------|--------|--------|--------|--------------------------------------|--------|
| | | 11/2023 | 12/2023 | 1/2024 | 2/2024 | 3/2024 | 4/2024 | 3/2024 | 4/2023 |
| Ấn Độ | Basmati | 1.550 | 1.438 | 1.400 | 1.400 | 1.400 | 1.400 | 0,0 | ▼ 9,7 |
| | Gạo đỏ 5% tấm | 483 | 501 | 529 | 548 | 541 | 525 | ▼ 3,0 | ▲ 40,6 |
| Pakistan | Basmati | 984 | 956 | 1.017 | 974 | 959 | 959 | 0,0 | ▼ 24,7 |
| | Trắng 25% tấm | 512 | 527 | 554 | 542 | 534 | 521 | ▼ 2,4 | ▲ 15,0 |
| | Trắng 5% tấm | 564 | 580 | 622 | 611 | 591 | 574 | ▼ 2,8 | ▲ 15,5 |
| Thái Lan | Trắng 100% tấm | 602 | 658 | 675 | 646 | 630 | 606 | ▼ 3,8 | ▲ 17,6 |
| | Trắng 25% tấm | 564 | 609 | 621 | 600 | 587 | 564 | ▼ 3,9 | ▲ 15,1 |
| | A1 Super | 482 | 495 | 489 | 491 | 485 | 468 | ▼ 3,6 | ▲ 3,2 |
| | Hom Mali | 861 | 882 | 893 | 890 | 886 | 878 | ▼ 0,9 | ▲ 0,3 |
| | Nếp 10% tấm | 795 | 794 | 813 | 799 | 757 | 759 | ▲ 0,2 | ▲ 2,8 |
| | Đỏ 100% | 588 | 643 | 650 | 638 | 622 | 600 | ▼ 3,5 | ▲ 17,1 |
| | Nếp 5% tấm | 589 | 591 | 591 | 587 | 581 | 588 | ▲ 1,2 | ▲ 10,6 |
| Việt Nam | Trắng 25% tấm | 608 | 609 | 599 | 573 | 546 | 540 | ▼ 1,0 | ▲ 23,4 |
| | Trắng 5% tấm | 638 | 640 | 635 | 602 | 570 | 568 | ▼ 0,4 | ▲ 24,4 |
| | Thơm 5% tấm | 692 | 704 | 700 | 637 | 601 | 607 | ▲ 0,9 | ▲ 20,5 |
| | Thơm 5% tấm | 767 | 840 | 871 | 877 | 890 | 909 | ▲ 2,1 | ▲ 20,6 |
| Mỹ | Gạo trắng 4% tấm | 1.044 | 1.025 | 1.025 | 1.025 | 970 | 965 | ▼ 0,5 | ▼ 43,2 |
| | Calrose 4% tấm | 732 | 728 | 732 | 764 | 793 | 780 | ▼ 1,7 | ▲ 8,6 |
| Argentina | Trắng 5% tấm | 765 | 769 | 809 | 802 | 747 | 707 | ▼ 5,4 | ▲ 17,3 |
| Brazil | Trắng 5% tấm | 826 | 894 | 920 | 868 | 736 | 755 | ▲ 2,6 | ▲ 18,5 |
| Uruguay | Trắng 5% tấm | 774 | 846 | 883 | 869 | 746 | 739 | ▼ 1,0 | ▲ 22,6 |

Biểu đồ 5: Diễn biến giá gạo thế giới từ năm 2022 đến ngày 15/5/2024

Đơn vị: USD/tấn. Nguồn: Tổng hợp từ Reuters.



Trong đó, giá gạo trắng và Japonica giảm 2,2% và 1% so với tháng trước, trong khi gạo thơm giữ ổn định. Riêng giá gạo nếp tăng 0,7%, phần lớn do nhu cầu gạo nếp Việt Nam trong vụ thu hoạch Đông Xuân.

Với gạo trắng, giá mặt hàng này tại Thái Lan đã giảm khoảng 4% so với tháng trước do nguồn cung từ vụ mùa mới và đồng Baht mất giá so với USD. Tương tự, giá gạo đỏ Ấn Độ giảm trong tháng 4 do vụ thu hoạch Rabi đang diễn ra cũng như nhu cầu chậm lại. Tại Pakistan, giá giảm trong bối cảnh các nhà xuất khẩu nỗ lực duy trì tính cạnh tranh. Còn tại Việt Nam, giá gạo trắng 5% tấm giữ ổn định do đang trong vụ thu hoạch Đông Xuân và gạo 25% tấm giảm do sức mua thấp.

Trong nửa đầu tháng 5, giá gạo tại các nước xuất khẩu hàng đầu châu Á biến động trái chiều so với tháng trước.

Tại Thái Lan, giá gạo xuất khẩu lên mức cao nhất trong gần hai tháng do đồng Baht mạnh lên so với đồng USD. Tính đến ngày 15/5, giá gạo 5% tấm của nước này đạt 600 USD/tấn, tăng 10 USD/tấn so với cách đây một tháng (**Biểu đồ 5**).

Một thương nhân ở Bangkok cho biết: “Nhu cầu không phải là vấn đề trong năm nay, chúng tôi chỉ cần đủ nguồn cung”, đồng thời nói thêm rằng các thị trường chính của gạo Thái Lan bao gồm Indonesia và Philippines. Một thương nhân khác cho biết, thị trường đang dự đoán sẽ có thêm nguồn cung gạo vào khoảng tháng 6 và tháng 7.

Trong khi đó, giá gạo đỏ 5% tấm của Ấn Độ, nước xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới, được chào bán ở mức 531-539 USD/tấn, giảm 9 USD/tấn so với tháng trước. Một nhà xuất khẩu ở bang Andhra Pradesh, miền Nam Ấn Độ, cho

biết: “Nhu cầu từ các nước châu Phi tăng nhẹ, nhưng vẫn thấp hơn mức bình thường”.

Còn tại Việt Nam, gạo 5% tấm được chào bán ở mức 585 USD/tấn, tăng nhẹ 5 USD/tấn so với tháng trước. Theo một thương nhân ở TP. Hồ Chí Minh: “Giá tăng do nguồn cung trong nước hạn chế khi vụ thu hoạch chính tại đồng bằng sông Cửu Long đã kết thúc”. Tuy nhiên, hoạt động giao dịch yếu do chi phí vận chuyển và giá xuất khẩu cao.

Trong khi đó, Bộ trưởng Bộ lương thực Bangladesh mới đây cho biết nước này không cần nhập khẩu gạo trong năm nay, tương tự như năm ngoái. Tuy nhiên, Chính phủ vẫn đang gặp khó khăn trong việc kiểm soát giá gạo nội địa, dù sản lượng và lượng dự trữ đều ở mức khả quan, theo *Reuters*. ■

Phần II: THỊ TRƯỜNG GẠO VIỆT NAM



Xuất khẩu gạo trong 4 tháng đầu năm thiết lập cột mốc kỷ lục mới với khối lượng đạt xuất gần 3,2 triệu tấn, trị giá thu về hơn 2 tỷ USD. Tại trong nước, giá gạo đang có sự cải thiện tích cực sau khi điều chỉnh giảm vào những tháng đầu năm.

1 Sản xuất

Ước tính từ Cục Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), tính đến ngày 2/5, các tỉnh, thành phố vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) đã xuống giống được 1,488 triệu ha/1,5 triệu ha diện tích kế hoạch vụ Đông Xuân 2023-2024, thu hoạch được khoảng 1,47 triệu ha, với năng suất 71,84 tạ/ha và

sản lượng đạt khoảng 10,57 triệu tấn lúa. Vụ Hè Thu 2024 đã xuống giống được 817 nghìn ha/1,480 triệu ha diện tích kế hoạch.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho biết, dự kiến sản xuất lúa cả nước năm 2024 sẽ đạt 43 triệu tấn. Với sản lượng này sẽ đảm bảo nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu hơn 8 triệu tấn.

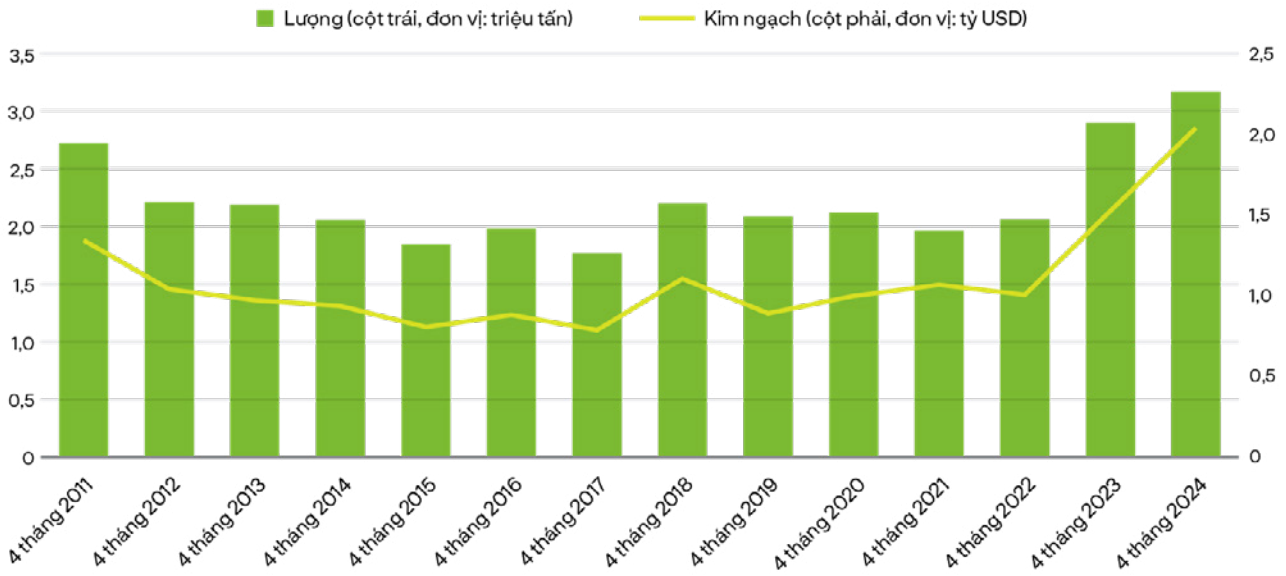
Trong đó, sản lượng gạo hàng hóa xuất khẩu năm 2024 của Việt Nam chủ yếu vẫn tập trung ở các tỉnh vùng ĐBSCL. Tổng khối lượng gạo hàng hóa cho xuất khẩu tại các tỉnh vùng ĐBSCL năm 2024 ước đạt khoảng 7,6 triệu tấn; trong đó, nhóm gạo chất lượng cao khoảng 3,2 triệu tấn; nhóm gạo thơm, đặc sản đạt 2,5 triệu tấn; nhóm gạo chất lượng trung bình đạt 1,15 triệu tấn; nhóm nếp đạt 0,75 triệu tấn.



Ảnh: Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam.

Biểu đồ 6: Xuất khẩu gạo của Việt Nam trong 4 tháng đầu năm từ 2011 - 2024

Nguồn: Số liệu từ Tổng cục Hải quan.



2 Xuất khẩu

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, trong tháng 4, xuất khẩu gạo của Việt Nam đạt 1 triệu tấn với trị giá 619,9 triệu USD, giảm 10,9% về lượng và 12,6% về trị giá so với tháng trước, đồng thời giảm 3,8% về lượng nhưng tăng 13,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.

Tuy nhiên, **tính chung trong 4 tháng đầu năm, xuất khẩu gạo tăng 9,5% về lượng và tăng 33,6% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái, đạt gần 3,2 triệu tấn với trị giá thu về hơn 2 tỷ USD.** Đây là con số cao nhất đạt được của ngành gạo trong 4 tháng đầu năm kể từ trước đến nay (**Biểu đồ 6**).

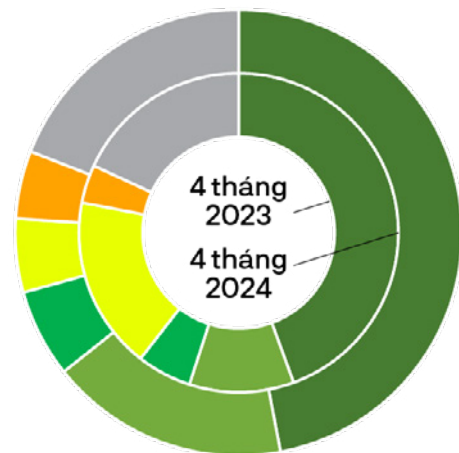
Trong tháng 4, xuất khẩu gạo sang thị trường Philippines, Malaysia, Ghana... tăng so với cùng kỳ năm ngoái, trong khi Indonesia, Trung Quốc, Bờ Biển Ngà... lại ghi nhận sự sụt giảm.

Tính chung 4 tháng đầu năm, xuất khẩu gạo của Việt Nam sang hầu hết thị trường tiêu thụ chính đều tăng trưởng ở mức hai con số so với cùng kỳ năm ngoái (**Biểu đồ 7**).

Biểu đồ 7: Cơ cấu thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam trong 4 tháng đầu năm 2023 và 2024

Đơn vị: % theo khối lượng.

Nguồn: Số liệu từ Tổng cục Hải quan.



| | 4 tháng đầu năm 2023 | 4 tháng đầu năm 2024 |
|-----------------|----------------------|----------------------|
| Philippines | 44,4% | 47,0% |
| Indonesia | 10,6% | 17,3% |
| Malaysia | 5,5% | 6,4% |
| Trung Quốc | 17,5% | 5,3% |
| Ghana | 3,9% | 4,9% |
| Thị trường khác | 18,1% | 19,1% |

Trong đó, Philippines đứng đầu với gần 1,5 triệu tấn, trị giá 935,6 triệu USD, tăng 15,9% về lượng và tăng 44,7% về trị giá so với cùng kỳ

Phần II. Thị trường gạo Việt Nam

năm ngoái, chiếm đến 47% về lượng và 46% về trị giá trong tổng xuất khẩu gạo của Việt Nam.

Đứng thứ hai là Indonesia, đạt 548.582 tấn, trị giá 348,3 triệu USD, tăng 79% về lượng và tăng 2,3 lần về trị giá so với cùng kỳ. Thị phần của Indonesia trong tổng xuất khẩu của Việt Nam đã tăng lên mức 17,3% so với con số 10,6% của cùng kỳ năm 2023.

Tiếp đến, lượng gạo xuất khẩu sang Malaysia tăng 26,3% lên 202.387 tấn; Ghana tăng 39%, đạt 156.133 tấn; Bờ Biển Ngà tăng 22,5%; Singapore tăng 88,9%...

Ngược lại, lượng gạo xuất khẩu sang Trung Quốc giảm mạnh 66,7%, Hong Kong giảm 34,2%, Mỹ giảm 17,7%... **(Bảng 2).**

Bảng 2: Thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam hàng đầu của Việt Nam trong 4 tháng đầu 2024

Nguồn: Số liệu từ Tổng cục Hải quan.

| Thị trường xuất khẩu | Tháng 4/2024 | | So sánh với tháng 4/2023 | | 4 tháng năm 2024 | | So sánh với 4 tháng năm 2023 | | Thị phần theo khối lượng (%) | |
|----------------------|--------------|---------------------|--------------------------|-------------|------------------|---------------------|------------------------------|-------------|------------------------------|------------------|
| | Lượng (tấn) | Trị giá (nghìn USD) | Lượng (%) | Trị giá (%) | Lượng (tấn) | Trị giá (nghìn USD) | Lượng (%) | Trị giá (%) | 4 tháng năm 2023 | 4 tháng năm 2024 |
| Tổng | 1.002.043 | 619.887 | ▼ 3,8 | ▲ 13,7 | 3.169.809 | 2.037.172 | ▲ 9,5 | ▲ 33,6 | 100,0 | 100,0 |
| Philippines | 478.705 | 286.819 | ▲ 21,5 | ▲ 45,5 | 1.489.721 | 935.611 | ▲ 15,9 | ▲ 44,7 | 44,4 | 47,0 |
| Indonesia | 103.256 | 63.259 | ▼ 34,6 | ▼ 20,3 | 548.582 | 348.315 | ▲ 79,0 | ▲ 133,7 | 10,6 | 17,3 |
| Malaysia | 103.469 | 61.774 | ▲ 24,0 | ▲ 57,7 | 202.387 | 123.325 | ▲ 26,3 | ▲ 59,1 | 5,5 | 6,4 |
| Trung Quốc | 87.213 | 51.252 | ▼ 47,7 | ▼ 45,1 | 168.861 | 99.438 | ▼ 66,7 | ▼ 66,0 | 17,5 | 5,3 |
| Ghana | 86.784 | 60.056 | ▲ 62,8 | ▲ 102,3 | 156.133 | 111.634 | ▲ 39,0 | ▲ 79,9 | 3,9 | 4,9 |
| Bờ Biển Ngà | 26.838 | 16.834 | ▼ 45,3 | ▼ 27,4 | 119.051 | 77.026 | ▲ 22,5 | ▲ 68,9 | 3,4 | 3,8 |
| Singapore | 18.598 | 11.901 | ▲ 146,0 | ▲ 163,9 | 65.667 | 42.447 | ▲ 88,9 | ▲ 114,8 | 1,2 | 2,1 |
| Mozambique | 16.261 | 10.929 | ▲ 118,3 | ▲ 169,1 | 39.673 | 27.726 | ▲ 87,2 | ▲ 135,6 | 0,7 | 1,3 |
| UAE | 6.082 | 4.416 | ▼ 18,1 | ▼ 3,7 | 20.913 | 15.509 | ▲ 25,8 | ▲ 51,3 | 0,6 | 0,7 |
| Campuchia | 3.810 | 2.426 | | | 19.255 | 12.552 | | | 0,0 | 0,6 |
| Hong Kong | 4.503 | 3.043 | ▼ 15,4 | ▼ 1,1 | 14.338 | 9.902 | ▼ 34,2 | ▼ 22,1 | 0,8 | 0,5 |
| Saudi Arabia | 5.088 | 3.836 | ▲ 50,1 | ▲ 78,7 | 12.651 | 9.664 | ▲ 25,3 | ▲ 47,6 | 0,3 | 0,4 |
| Australia | 3.032 | 2.317 | ▼ 7,4 | ▼ 2,8 | 10.384 | 8.078 | ▲ 10,2 | ▲ 18,6 | 0,3 | 0,3 |
| Mỹ | 1.834 | 1.579 | ▼ 49,7 | ▼ 38,7 | 8.795 | 7.722 | ▼ 17,7 | ▼ 2,4 | 0,4 | 0,3 |
| Đài Loan | 2.786 | 1.737 | ▼ 23,0 | ▼ 10,3 | 5.457 | 3.511 | ▼ 64,6 | ▼ 56,6 | 0,5 | 0,2 |
| Tanzania | 2.698 | 2.004 | ▲ 0,3 | ▲ 20,9 | 5.455 | 3.992 | ▼ 43,0 | ▼ 35,3 | 0,3 | 0,2 |
| Hà Lan | 1.292 | 1.078 | ▲ 61,7 | ▲ 85,2 | 4.923 | 4.263 | ▼ 9,6 | ▲ 16,5 | 0,2 | 0,2 |
| Ba Lan | 1.282 | 994 | ▲ 8,6 | ▲ 22,6 | 4.207 | 3.172 | ▲ 56,5 | ▲ 78,2 | 0,1 | 0,1 |
| Nga | 1.057 | 756 | ▲ 127,3 | ▲ 165,7 | 3.581 | 2.670 | ▲ 229,7 | ▲ 285,4 | 0,0 | 0,1 |
| Nam Phi | 729 | 515 | ▼ 38,7 | ▼ 30,4 | 2.720 | 1.969 | ▼ 21,4 | ▼ 8,1 | 0,1 | 0,1 |
| Pháp | 566 | 436 | ▲ 812,9 | ▲ 754,7 | 1.678 | 1.337 | ▲ 53,0 | ▲ 65,8 | 0,0 | 0,1 |
| Senegal | 800 | 585 | ▲ 113,3 | ▲ 175,5 | 1.419 | 1.025 | ▲ 158,5 | ▲ 227,2 | 0,0 | 0,0 |
| Thị trường khác | 45.360 | 31.344 | ▼ 49,2 | ▼ 41,4 | 263.958 | 186.285 | ▲ 0,6 | ▲ 22,0 | 9,1 | 8,3 |

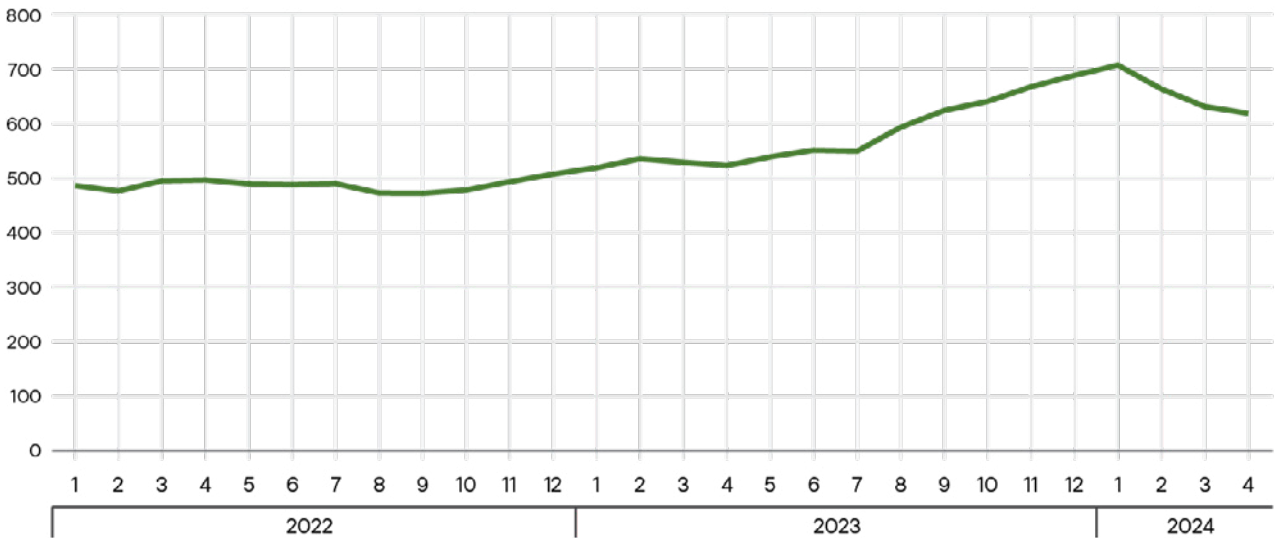
3 Diễn biến giá

Trong tháng 4, giá gạo xuất khẩu bình quân của Việt Nam đạt 619 USD/tấn, tiếp tục giảm 2% so với tháng trước, nhưng tăng 18,3% so với cùng kỳ năm ngoái. **Tính chung 4 tháng đầu năm, giá xuất khẩu gạo đạt 643 USD/tấn, tăng gần 22% so với cùng kỳ năm 2023 (Biểu đồ 8).**

Tại thị trường trong nước, giá lúa gạo tiếp tục có xu hướng tăng. Tính đến ngày 9/5, giá lúa thu mua tại kho ở khu vực ĐBSCL dao động ở mức 9.529 đồng/kg, tăng hơn 200 đồng/kg so với đầu tháng 4. Trong khi giá gạo tăng từ 500 – 700 đồng/kg lên mức 12.000 – 14.650 đồng/kg, đặc biệt cám xát/lau tăng tới 1.036 đồng/kg. Như vậy, giá lúa gạo hiện đang cao hơn khoảng 24 – 29% so với cùng kỳ năm ngoái (**Bảng 3**).

Biểu đồ 8: Diễn biến giá gạo xuất khẩu bình quân của Việt Nam qua các tháng từ năm 2022-2024

Đơn vị: USD/tấn. Nguồn: Số liệu từ Tổng cục Hải quan.



Bảng 3: Diễn biến giá lúa gạo tại ĐBSCL tính đến đầu tháng 5/2024

Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Hiệp hội Lương thực Việt Nam.

| Chủng loại | Tại ngày 9/5/2024 | So sánh tăng/giảm | | | |
|----------------------|-------------------|----------------------|---------|--------------------|---------|
| | | So với 1 tháng trước | | So với 1 năm trước | |
| | | đồng/kg | % | đồng/kg | % |
| Lúa thường tại ruộng | 8.014 | ▲ 2,9 | ▲ 228 | ▲ 24,2 | ▲ 1.564 |
| Lúa thường tại kho | 9.529 | ▲ 2,6 | ▲ 237 | ▲ 24,9 | ▲ 1.900 |
| Lứt loại 1 | 12.050 | ▲ 4,0 | ▲ 467 | ▲ 20,3 | ▲ 2.033 |
| Xát trắng loại 1 | 14.650 | ▲ 4,8 | ▲ 675 | ▲ 29,2 | ▲ 3.312 |
| 5% tấm | 14.407 | ▲ 4,3 | ▲ 589 | ▲ 28,2 | ▲ 3.171 |
| 15% tấm | 14.200 | ▲ 4,5 | ▲ 608 | ▲ 28,6 | ▲ 3.158 |
| 25% tấm | 13.833 | ▲ 3,9 | ▲ 525 | ▲ 28,2 | ▲ 3.041 |
| Tấm 1/2 | 10.793 | ▲ 2,4 | ▲ 250 | ▲ 16,1 | ▲ 1.493 |
| Cám xát/lau | 6.007 | ▲ 20,8 | ▲ 1.036 | ▼ 18,1 | ▼ 1.332 |

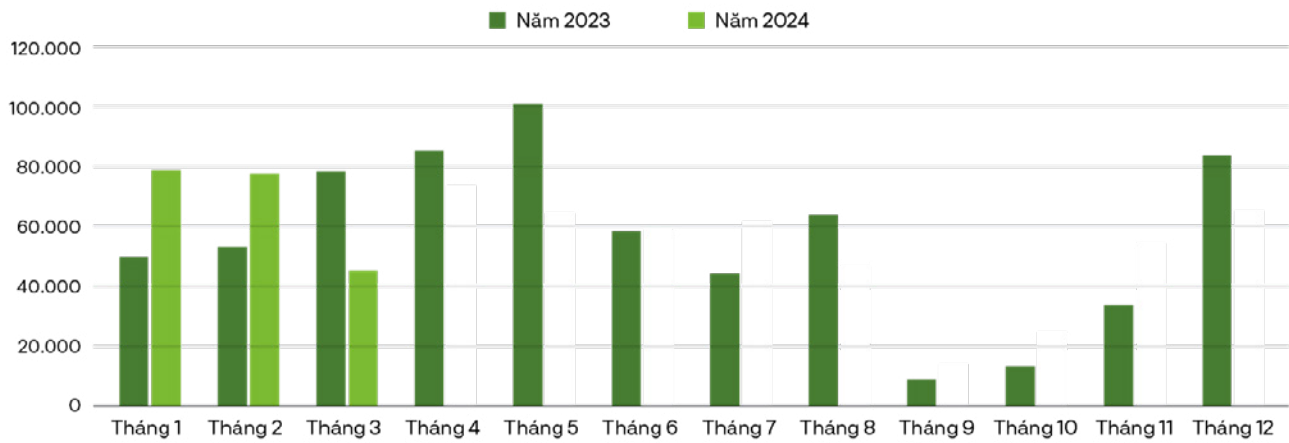
4 Tình hình nhập khẩu

Theo số liệu của Bộ Thương mại Ấn Độ, trong tháng 3, Việt Nam đã nhập khẩu 45.099 tấn gạo từ nước này, giảm 41,8% so với tháng trước và giảm 42,4% so với cùng kỳ năm ngoái (Biểu đồ 9).

Tuy nhiên, tính từ đầu năm đến hết quý I, nhập khẩu gạo của Việt Nam từ Ấn Độ vẫn tăng 11,1% về lượng và 47,7% về trị giá so với cùng kỳ năm trước, đạt 201.264 tấn, trị giá 85 triệu USD. ■

Biểu đồ 9: Nhập khẩu gạo của Việt Nam từ Ấn Độ năm 2023-2024

Đơn vị: tấn. Nguồn: Số liệu từ Bộ Thương mại Ấn Độ.



Phần III: DỰ BÁO



Trong thời gian tới, xuất khẩu gạo của Việt Nam nhìn chung có nhiều thuận lợi khi nhu cầu của các thị trường truyền thống như Philippines, Indonesia, Malaysia, châu Phi... ở mức cao trong năm nay do ảnh hưởng bởi hiện tượng thời tiết El Nino.

Tuy nhiên, việc Ấn Độ có khả năng nới lỏng các biện pháp hạn chế xuất khẩu có thể khiến giá gạo tiếp tục hạ nhiệt trong nửa cuối năm nay.

Theo dự báo của USDA, Việt Nam sẽ xuất khẩu khoảng 8 triệu tấn trong năm 2024 và 7,5 triệu tấn trong năm 2025. ■



Ảnh: Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam.

Phần IV: HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC DOANH NGHIỆP TRONG NGÀNH

Kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp ngành gạo biến động trái chiều trong quý đầu năm 2024. Trong khi một số doanh nghiệp ghi nhận doanh thu và lợi nhuận tương đối tốt, thì có những doanh nghiệp không đạt kỳ vọng và thua lỗ do bị bào mòn bởi chi phí.

CTCP Tập đoàn Lộc Trời (Mã: LTG):



Trong quý I, doanh thu thuần của Lộc Trời đạt 3.849 tỷ đồng, tăng tới 57% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, mảng lương thực - lúa, gạo đóng góp tới 85% tổng doanh thu, tương ứng 3.286 tỷ đồng, gần gấp đôi cùng kỳ; bù đắp cho doanh thu mảng thuốc bảo vệ thực vật giảm 40% xuống 371 tỷ đồng.

Tuy nhiên, giá vốn hàng bán tăng mạnh 65%, kéo lãi gộp LTG giảm 10% về 245 tỷ đồng; biên lãi gộp giảm từ 11% của cùng kỳ xuống 6%.

Doanh thu tài chính kỳ này ở mức 33 tỷ đồng, giảm 47% so với cùng kỳ năm trước đó. Trong khi chi phí tài chính tăng hơn 28% lên 188,6 tỷ đồng, phần lớn là chi phí lãi vay cùng khoản lỗ tỷ giá hối đoái đã khiến lợi nhuận của doanh nghiệp bị bào mòn.

Kết quả, Lộc Trời báo lỗ sau thuế hơn 96 tỷ đồng quý vừa qua, tăng lỗ so với mức 81,2 tỷ đồng ghi nhận vào cùng kỳ năm 2023.

Vụ Đông Xuân 2023 - 2024, Lộc Trời đã thu

mua lúa của bà con nông dân tỉnh An Giang với tổng giá trị gần 440 tỷ đồng. Tính đến ngày 9/5/2024, Lộc Trời đã thanh toán 280,4 tỷ đồng cho bà con nông dân và còn nợ 159,4 tỷ đồng.

Lộc Trời lý giải việc chậm trễ trong thanh toán là do gặp khó khăn trong việc thu xếp dòng tiền từ các khoản vay ngân hàng, trong khi các khách hàng quốc tế cũng chậm thanh toán. Để giải quyết vấn đề, công ty chấp nhận bán lúa với giá thấp để nhanh chóng có tiền trả nợ và đẩy nhanh tiến độ làm việc với các ngân hàng, đối tác nhằm giải ngân cho nông dân.

CTCP Nông nghiệp công nghệ cao Trung An (Mã: TAR):



Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) vừa ra quyết định hủy niêm yết cổ phiếu Công ty CP Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An (HNX: TAR).

Lý do là bởi Trung An bị tổ chức kiểm toán từ chối đưa ra ý kiến đối với Báo cáo Tài chính (BCTC) riêng và hợp nhất năm 2023, theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 120 Nghị định 155/2020/NĐ-CP. Theo đó, hơn 78 triệu cổ phiếu TAR sẽ bị hủy niêm yết từ ngày 21/05, phiên giao dịch cuối cùng là ngày 20/05.

Theo kết quả kinh doanh hợp nhất quý I/2024, TAR báo lợi nhuận sau thuế 2,7 tỷ đồng, giảm 68% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân là chi phí sản xuất ở công ty con tăng cao hơn so với cùng kỳ.

Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - CTCP (Vinafood II Mã: VSF):



Vinafood II từng chìm trong thua lỗ giai đoạn 2018 – 2021, nhưng từ năm 2022 đến nay kết quả kinh doanh của công ty đã có nhiều khởi sắc.

Trong quý I/2024, doanh thu thuần của Vinafood II đạt 4.797 tỷ đồng, tăng 7% so với cùng kỳ năm trước. Lãi sau thuế hơn 10 tỷ đồng, gấp 19,4 lần so với cùng kỳ năm ngoái.

Năm 2024, doanh nghiệp đặt kế hoạch tổng doanh thu 9.500 tỷ đồng, lãi trước thuế 3,6 tỷ đồng. Như vậy, tính hết quý I, Lương thực Miền Nam đã hoàn thành vượt kế hoạch năm về lợi nhuận.

Tại ngày 31/3/2024, tổng tài sản của doanh nghiệp là 11.672 tỷ đồng, tăng 87,3% so với đầu năm. Trữ tiền giảm 9% còn 499,2 tỷ đồng. Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tăng 28% lên 59,5 tỷ đồng. Hàng tồn kho tăng vọt hơn 380% lên 6.399 tỷ đồng, chiếm tới 55% tổng tài sản. Doanh nghiệp có tới 1.288,8 tỷ đồng nợ xấu và dự phòng toàn bộ khoản này.

Tính đến hết quý I, tổng nợ phải trả của Lương thực Miền Nam là 9.198 tỷ đồng, tăng 144% so với đầu năm và chiếm 79% tổng nguồn vốn. Tổng vay nợ tài chính 6.619,2 tỷ đồng, tăng 373% so với đầu năm và gần như toàn bộ là vay nợ ngắn hạn. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế của doanh nghiệp ghi nhận lỗ 2.777,5 tỷ đồng, tức vượt vốn chủ sở hữu.

CTCP Xuất nhập khẩu An Giang (Angimex Mã: AGM):



AGM vừa công bố báo cáo tài chính quý I với nhiều chỉ số sụt

giảm dù đã tích cực tiết giảm các chi phí.

Theo đó, doanh thu thuần của công ty trong quý I đạt 58 tỷ đồng, giảm 63% so với cùng kỳ. Kinh doanh dưới giá vốn nên Angimex ghi nhận lỗ gộp 2,5 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ lãi gộp 8,8 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, doanh thu hoạt động tài chính sụt giảm mạnh từ 9,7 tỷ đồng tại quý I/2023 xuống còn 156 triệu đồng trong quý I/2024. Nguyên nhân là do công ty không còn ghi nhận khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán trị giá 8,9 tỷ đồng như quý I/2023.

Tuy nhiên, các chi phí khác đều được Angimex tiết giảm tối đa với chi phí tài chính giảm 47%, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 39%; xuống còn 6,4 tỷ đồng và 4,6 tỷ đồng. Đồng thời, chi phí hàng bán cũng sụt giảm mạnh còn 1,9 tỷ đồng, chi phí nhân viên giảm tới 87% xuống 890 triệu đồng, chi phí nhân công giảm 72% còn 4,1 tỷ đồng.

Kết quả, Angimex lỗ sau thuế 14,9 tỷ đồng sau quý I, giảm lỗ so với cùng kỳ năm trước. Do đó, tính đến hết quý I, Angimex nâng lỗ lũy kế lên 175 tỷ đồng.

Trong thời gian tới, doanh nghiệp cho biết sẽ đẩy mạnh các giao dịch gạo chất lượng cao vào các thị trường xuất khẩu trọng điểm, tăng cường các hoạt động bán hàng trong nước, mở rộng dịch vụ phân phối đa kênh trực tiếp đến người tiêu dùng, chú trọng vào kênh siêu thị và phát triển hệ thống đại lý.

CTCP Tập đoàn PAN Group (Mã: PAN):



Theo báo cáo tài chính hợp nhất quý I/2024, CTCP Tập đoàn PAN mang về doanh

thu 3.462 tỷ đồng, tăng 37% so với cùng kỳ năm ngoái. Biên độ tăng của giá vốn hàng bán chậm hơn tốc độ tăng của doanh thu nên lợi nhuận gộp của Tập đoàn PAN tăng 43% lên 622 tỷ đồng.

Song, chi phí bán hàng tăng đột biến 63%, chi phí quản lý doanh nghiệp cũng tăng 16%; lên lần lượt 286 tỷ đồng và 157 tỷ đồng.

Khấu trừ các chi phí, Tập đoàn PAN báo lãi sau thuế 168 tỷ đồng, tăng 58% so với cùng kỳ năm ngoái.

Lợi nhuận gộp đạt 622 tỷ đồng, tương đương biên lãi gộp 18%, cải thiện so với mức 17,1% của quý I/2023.

Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 tổ chức ngày 26/4 vừa qua, PAN đã thông qua kế hoạch kinh doanh với doanh thu thuần 14.780 tỷ đồng, lãi sau thuế 882 tỷ đồng, tăng trưởng lần lượt 12% và 8% so với năm 2023. Mục tiêu lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ là 447 tỷ đồng, tăng 10% so với năm ngoái. Nếu hoàn thành, đây sẽ là những chỉ số cao nhất trong lịch sử kinh doanh của công ty.

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam (Vinaseed; HoSE: SSC):



Trong quý I, doanh thu thuần của Vinaseed đạt 68,5 tỷ đồng, tăng 31% so với cùng kỳ năm trước. Dù giá vốn hàng bán tăng nhưng chậm hơn biên độ tăng của doanh thu nên lợi nhuận gộp trong quý ghi nhận tăng 66% lên 20 tỷ đồng.

Ở chiều ngược lại, các khoản chi phí trong quý của công ty đều phát sinh mạnh so với cùng kỳ. Cụ thể, chi phí bán hàng đạt 5,9 tỷ đồng, chi phí quản lý doanh nghiệp đạt 7,8 tỷ đồng; tăng lần lượt 28% và 95% so với cùng kỳ năm 2023. Sau khi trừ các chi phí, Vinaseed báo lãi 6,85 tỷ đồng trong quý I/2024, tăng 38% so với cùng kỳ.

Như vậy, kết thúc quý I/2024, công ty đã hoàn thành 17% kế hoạch doanh thu và 13% chỉ tiêu lợi nhuận đã đề ra. ■

Phần V: CHÍNH SÁCH



Gạo thơm ST24 và ST25 chưa được hưởng ưu đãi thuế xuất khẩu sang thị trường EU

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khẳng định, thông tin 2 giống gạo thơm ST24 và ST25 được hưởng ưu đãi thuế xuất khẩu sang thị trường Liên minh châu Âu (EU) là không chính xác.

Cụ thể, trong khuôn khổ thực thi Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) đang triển khai, hiện nay có 9 giống gạo thơm được hưởng ưu đãi thuế trong hạn ngạch khi xuất khẩu sang EU, bao gồm: Jasmine85, ST5, ST20, Nàng Hoa 9, VD20, RVT, OM4900, OM5451 và Tài Nguyên Chợ Đào.

Danh mục vừa nêu được xây dựng từ trước năm 2015 (khi kết thúc đàm phán Hiệp định EVFTA). Sau gần 4 năm triển khai thực hiện Hiệp định, Việt Nam đang đề xuất điều chỉnh danh mục gạo thơm để xuất khẩu vào EU với mức thuế là 0% theo hạn ngạch để phù hợp với thực tế xuất khẩu gạo của Việt Nam hiện nay.

Đàm phán điều chỉnh bổ sung danh mục gạo thơm đang được Vụ Hợp tác quốc tế phối hợp cùng Cục Trồng trọt, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm việc với phía EU.

Đến nay, 2 bên vẫn chưa đi đến quyết định cuối cùng là điều chỉnh bổ sung giống gạo thơm nào, vào danh mục các giống gạo sẽ được hưởng ưu đãi thuế trong hạn ngạch khi xuất khẩu vào thị trường EU.

Philippines dự kiến sẽ thông qua chính sách nhập khẩu mới

Mới đây, hai Ủy ban của Hạ viện Philippines đã thông qua dự thảo luật Thuế quan gạo (RTL) mới và khôi phục vai trò của Cơ quan Lương thực quốc gia (NFA). Trước đó, Tổng thống Philippines, ông Ferdinand Marcos Jr., cho biết, đây là biện pháp khẩn cấp trong việc ổn định giá gạo của nước này.

Theo dự thảo chính sách mới, NFA sẽ được khôi phục chức năng điều tiết thị trường cho NFA. Cơ quan này sẽ được cấp tiền và quyền để mua gạo nội địa cũng như nhập khẩu trực tiếp trong trường hợp cần thiết để đảm bảo đủ lượng gạo dự trữ và tiêu dùng nội địa cũng như bình ổn giá gạo.

Theo một số doanh nghiệp và chuyên gia, chính sách mới của Philippines hướng đến mục tiêu kiềm chế giá gạo tăng quá cao như thời gian vừa qua.

Chính sách mới được cho là đề cao vai trò bình ổn thị trường của cơ quan quản lý nhà nước là NFA và làm mờ vai trò của doanh nghiệp tư nhân. Hiện tại, các doanh nghiệp tư nhân đang đóng vai trò chủ chốt trong việc kinh doanh và xuất nhập khẩu gạo. ■

Phụ lục

NGUỒN THAM KHẢO

Bộ Công Thương
Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA)
Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn
Tổng cục Hải quan
Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA)
Hội đồng ngũ cốc quốc tế (IGC)
Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hiệp Quốc (FAO)

Tổng cục Hải quan Trung Quốc
Bộ Thương Mại Ấn Độ
Reuters

BẢN QUYỀN

Báo cáo “Thị trường lúa gạo tháng 4/2024” được biên tập viên mục Hàng hóa của VietnamBiz tổng hợp và trình bày. Các số liệu, thông tin và những phân tích được tổng hợp trong báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin và không được sử dụng như lời khuyên cho việc tư vấn kinh doanh, tài chính và những lĩnh vực chuyên nghiệp khác.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Thông tin và tài liệu trong báo cáo được nỗ lực tổng hợp dưới dạng sẵn có một cách chính xác nhất có thể. Tuy nhiên, tác giả không đảm bảo tính chính xác, sự thích hợp hay đầy đủ của các thông tin và số liệu, đồng thời tuyên bố miễn trừ hoàn toàn trách nhiệm đối với các lỗi hoặc thiếu sót trong các thông tin và số liệu này.

GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM

VietnamBiz sẽ không chịu trách nhiệm bồi thường đối với bất kỳ chi phí, tổn thất hoặc thiệt hại nào cho dù trực tiếp hay gián tiếp, có liên quan tới hoặc là hậu quả của việc sử dụng báo cáo, hoặc liên quan tới những thiếu sót, sai sót.

ĐỂ THEO DÕI NHỮNG BÁO CÁO GẦN NHẤT CỦA CHÚNG TÔI, XIN TRUY CẬP:

- Mục Báo cáo hàng hóa - Chuyên mục Hàng hóa VietnamBiz
- Báo cáo thị trường lúa gạo tháng 1/2024
- Báo cáo thị trường lúa gạo tháng 2/2024
- Báo cáo thị trường lúa gạo quý I/2024

THỰC HIỆN:

Nội dung: **Hoàng Hiệp**

Thiết kế: **Alex Chu**

MỌI Ý KIẾN ĐÓNG GÓP VỀ BÁO CÁO THỊ TRƯỜNG, XIN LIÊN HỆ TỚI:

Mrs. Trịnh Huyền Trang

Thư ký toà soạn phụ trách mục Hàng hóa - trang TTĐTTH VietnamBiz

Hotline: 099 522 2999

Email: info@vietnambiz.vn



Địa chỉ: Lầu 2 Tòa nhà COMPA Building, 293 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

Chi nhánh: Số 5, ngõ 38A, Phố Trần Phú, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, TP Hà Nội

Hotline: 0938.189.222 **Email:** info@vietnambiz.vn

Vận hành bởi  VIETNEWS CORP